

# INTERNET VÀ CÔNG NGHỆ WEB

## Phần 2:HTML



# Mục Tiêu Của Bài Học

## ❑ Cung cấp các kiến thức Ngôn Ngữ HTML

1. Tổng quan về HTML
2. Các thẻ định dạng văn bản
3. Table và Form

## ❑ Sau khi hoàn thành bài học này :

1. Sinh viên nắm bắt được tổng quan về HTML
2. Thiết kế được WebSite bằng HTML

# Nội Dung

---

**Bài 1: Tổng quan về HTML**

**Bài 2: Thẻ định dạng văn bản**

**Bài 3: Table và Form**

# Bài 1: Tổng quan về HTML

---

- I. Khái niệm**
- II. Cấu trúc thẻ lệnh**
- III. Thuộc tính**

# Khái niệm

## 1. HTML là gì?

- ▶ HyperText Markup Language (HTML) - Ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản.
- ▶ Bao gồm các đoạn mã chuẩn với các quy ước được thiết kế để tạo các trang Web và được hiển thị bởi các trình duyệt Web.
- ▶ Ngôn ngữ HTML có phần đuôi là .html hoặc .htm

# Khái niệm

---

## 2. Những ứng dụng của HTML

- ▶ HTML là nền tảng của World Wide Web, một dịch vụ toàn cầu của Internet.
- ▶ HTML để thiết kế Web trên mạng Internet, tạo tài liệu, gửi cáo thị... cho các công ty, cá nhân.

# Khái niệm

## 3. Trình soạn thảo

- ▶ Sử dụng bất kỳ trình soạn thảo nào trong windows như:
  - ▶ Notepad, Notepad++, Dreamweaver, Visual studio...
- ▶ Nên sử dụng Notepad hoặc NotePad++ khi mới học để làm quen với các thẻ lệnh trong HTML.

# Khái niệm

## 4. Trình duyệt

- ▶ Chuyển đổi mã html thành dạng văn bản, hình ảnh,... hiển thị trên màn hình.
- ▶ 1 trang html có thể chạy trên bất cứ trình duyệt web (web browser) nào, ví dụ: Firefox, IE, google chrome, Opera, Safari,...



# Cấu trúc thẻ lệnh

## 1. Thẻ lệnh (tag) trong HTML

- Khi một Web browser hiển thị một trang Web, Web Browser sẽ đọc từ một file văn bản đơn giản và tìm kiếm những đoạn mã đặc biệt hay những tag được đánh dấu bởi ký hiệu `<` và `>`.
- Tag mang thông tin  
`<tag_name>` Chuỗi ký tự`</tag_name>`  
Trong đó:       `<tag_name>`:     tag     bắt     đầu.  
                 `</tag_name>`: tag kết thúc.
- Tag rỗng: `<tag_name>`

# Cấu trúc thẻ lệnh

## 2. Cấu trúc cơ bản của 1 trang HTML

html>

<head>

<title>tiêu đề trang</title>

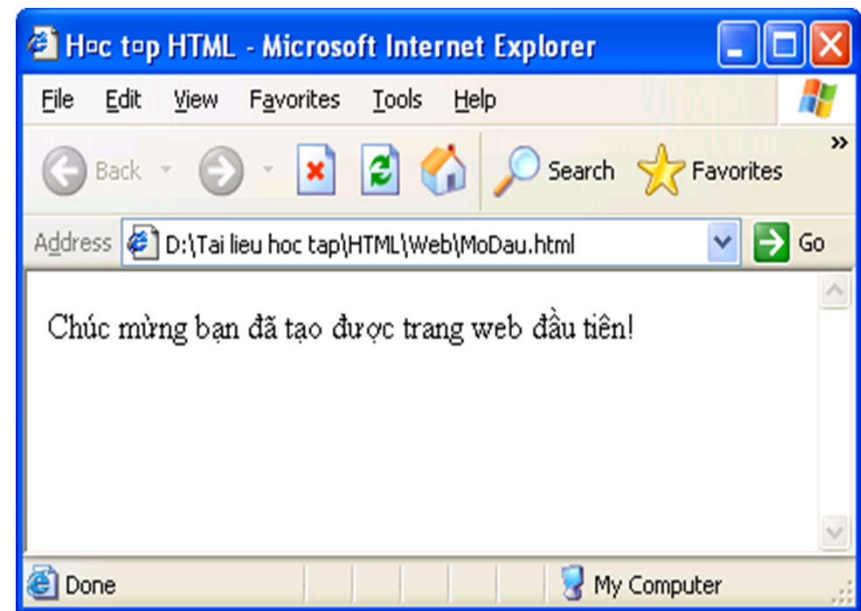
</head>

<body>

Văn bản hiển thị.

</body>

</html>



# Thuộc tính

- Các phần tử trong HTML có thể có các thuộc tính
- Các thuộc tính cung cấp thêm các thông tin cho một phần tử HTML
- Các thuộc tính luôn luôn được chỉ định trong thẻ bắt đầu.
- Các thuộc tính đi với nhau thành từng cặp là tên/giá trị, ví dụ: **align="center"**

# Thuộc tính

- Các thuộc tính có thể được sử dụng cho bất kỳ thẻ HTML nào

Thuộc tính	Mô tả
Class	Chỉ định một hoặc nhiều tên lớp cho một phần tử, đề cập đến một lớp trong một tập tin chứa nhiều lớp, dùng để quy định phong cách cho văn bản ( CSS : <b>C</b> ascading <b>S</b> tyle <b>S</b> heets)
id	Chỉ định một id ( định danh ) duy nhất cho một phần tử
style	Chỉ định một kiểu CSS trực tiếp cho một phần tử
title	Chỉ định thông tin thêm về một phần tử (hiển thị như là một tool tip)

## ■ Thảo luận

---



## Bài 2: Thẻ định dạng văn bản

### 1. Tiêu đề:

- HTML có 6 mức tiêu đề
- Tag tiêu đề:  
`<hN>Nội dung hiển thị</hN>`
- N là số nguyên từ 1 đến 6.

Ví dụ:

`<h3>Tiêu đề thứ 3</h3>`

`<h6> Tiêu đề nhỏ nhất</h6>`

# Thẻ định dạng văn bản

## Ví dụ

Ví dụ đoạn mã sau vào trong phần thân  
<body>

<h1>Tiêu đề lớn nhất</h1>

<h2>Tiêu đề lớn thứ hai</h2>

<h3>Tiêu đề thứ 3</h3>

<h4>Tiêu đề thứ 4</h4>

<h5>Tiêu đề thứ 5</h5>

<h6>Tiêu đề nhỏ nhất</h6>

# Thẻ định dạng văn bản

- ▶ **Canh tiêu đề:**

- ▶ Canh tiêu đề ở giữa:

`<hN align="center">Tiêu đề</hN>`

- ▶ Canh tiêu đề bên phải:

`<hN align="right">Tiêu đề</hN>`

- ▶ Canh tiêu đề bên trái:

`<hN align="right">Tiêu đề</hN>`



# Thẻ định dạng văn bản

## 2. Chia đoạn văn bản:

- ▶ Tag chia đoạn: `<p>`
- ▶ Khi gặp `<p>` Web browser sẽ chèn một dòng trống và bắt đầu một đoạn mới.
- ▶ Tag `<p>` không cần tag kết thúc (`</p>`).

# Thẻ định dạng văn bản

- ▶ **Căn chỉnh đoạn**

- ▶ Tag `<p align=align_type>`: `align=align_type` dùng chỉ định căn đoạn mới, `align_type` là `center`, `left` hoặc `right`.

- ▶ Ví dụ:

`<p align="center">Chữ ở giữa</p>`

`<p align="right">Chữ bên phải</p>`

# Thẻ định dạng văn bản

## 3. Tạo đường kẻ ngang:

- ▶ Tag hard rule `<hr>`: chèn một đường thẳng trong trang html.
- ▶ Thuộc tính:

Thuộc tính	Mô tả
Size	Thiết lập độ dày của đường kẻ ngang
Width	Tạo độ rộng(pixel) hay tỷ lệ phần trăm của đường thẳng so với độ rộng của cửa sổ Browser
Align	Canh lề cho đường thẳng (Left, right, center)
Noshade	Thay đổi thể hiện của đường kẻ ngang không có bóng

# Thẻ định dạng văn bản

## 4. Thẻ xuống dòng:

- ▶ Thẻ `<br>`: đẩy văn bản xuống dòng nhưng không chèn thêm dòng trống.

# Thẻ định dạng văn bản

## 5. Thẻ **<blockquote>**:

- ▶ Tag `<blockquote>` đoạn văn bản  
`</blockquote>`
- ▶ Toàn bộ đoạn văn bản thụt vào ở đầu dòng

# Thẻ định dạng văn bản

## 6. Các tag style cho HTML:

- ▶ Tag `<b>` Chữ đậm `</b>`.
- ▶ Tag `<i>` Chữ nghiêng `</i>`.
- ▶ Tag `<u>` Chữ gạch chân `</u>`.
- ▶ Tag `<s>` Chữ gạch giữa `</s>`.
- ▶ Tag `<tt>` Chữ đánh máy `</tt>`.
- ▶ Tag định dạng logic

# Thẻ định dạng văn bản

- ▶ **Tag định dạng logic**
  - ▶ Tag đậm logic type
    - `<strong>Dòng này đậm</strong>`
  - ▶ Tag nghiêng logic type
    - `<em>Dòng này nghiêng</em>`
  - ▶ Tag gạch ngang logic type
    - `<strike>Dòng này gạch giữa</strike>`
  - ▶ Tag kiểu đánh máy logic type
    - `<samp>Chữ đánh máy</samp>`
  - ▶ Tag chỉ số trên
    - `x<sup>y</sup> ----> xy`
  - ▶ Tag chỉ số dưới
    - `x<sub>2</sub> ----> x2`

# Thẻ định dạng văn bản

- ▶ Tag định dạng logic
  - ▶ Tag đậm logic type
    - `<strong>Dòng này đậm</strong>`
  - ▶ Tag nghiêng logic type
    - `<em>Dòng này nghiêng</em>`
  - ▶ Tag gạch ngang logic type
    - `<strike>Dòng này gạch giữa</strike>`
  - ▶ Tag kiểu đánh máy logic type
    - `<samp>Chữ đánh máy</samp>`
  - ▶ Tag chỉ số trên
    - `x<sup>y</sup> ----> xy`
  - ▶ Tag chỉ số dưới
    - `x<sub>2</sub> ----> x2`



# Thẻ định dạng văn bản

## 7. Danh sách

- ▶ Danh sách không có thứ tự
  - ▶ Sử dụng tag `<ul>...</ul>`: cho một danh sách các mục với những ký hiệu được đánh dấu phía trước.
  - ▶ Tag `<li>` chỉ ra từng mục cho một danh sách.

`<ul>`

`<li> Dòng 1</li>`

`<li> Dòng 2</li>`

.....

`</ul>`

# Thẻ định dạng văn bản

## ► Thuộc tính:

Ta thêm thuộc tính `type = circle/square/disk` vào trong tag `<ul>`

Thuộc tính	Mô tả
Type = disk	Dấu hình tròn
Type = square	Dấu hình vuông
Type = circle	Dấu hình tròn mở

# Thẻ định dạng văn bản

## ► Ví dụ:

<ul>

<li>Ngô Thị An.

<li>Lê Xuân Châu.

<li>Vũ Đức Chiến.

<li>Nguyễn Đức Đại.

</ul>



# Thẻ định dạng văn bản

## 7. Danh sách

### ► Danh sách có thứ tự

- Là danh sách được Web browser đánh thứ tự từ 1 cho đến kết thúc danh sách.

- Dùng tag `<ol>...</ol>`

`<ol start=N type = *>...</ol>`:

N là chỉ định số bắt đầu.

'\*' có thể là: a, A, i, I.

`<ol>`

`<li> Dòng 1</li>`

`<li> Dòng 2</li>`

.....

`</ol>`

# Thẻ định dạng văn bản

## ► Ví dụ:

<ol>

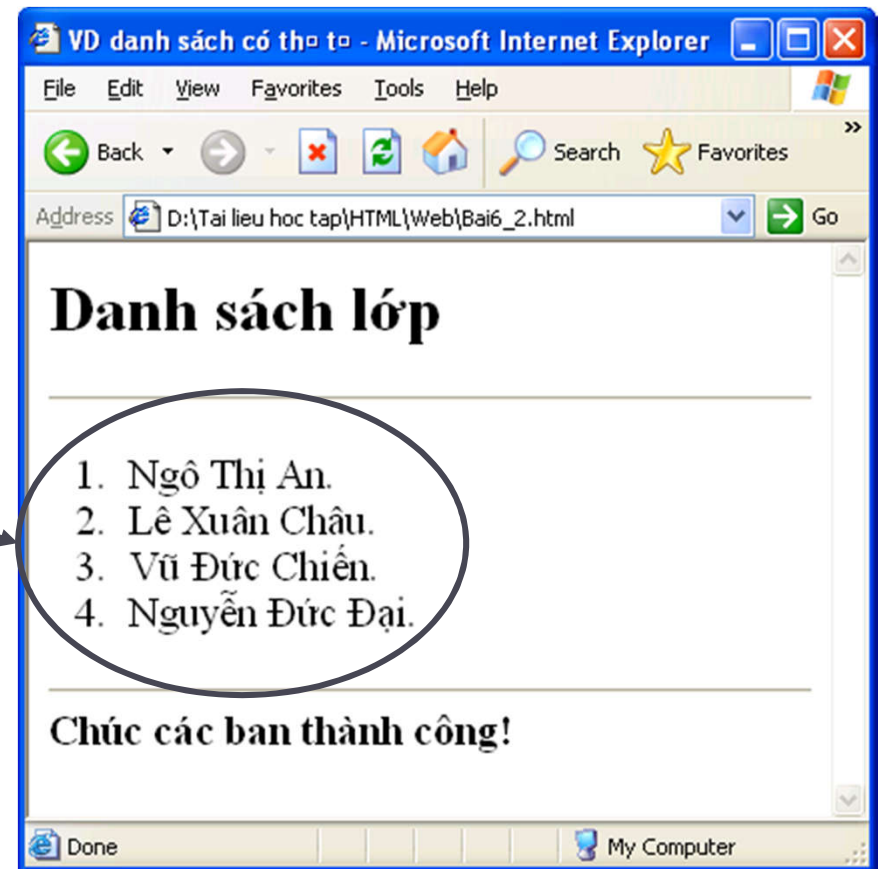
<li>Ngô Thị An.

<li>Lê Xuân Châu.

<li>Vũ Đức Chiến.

<li>Nguyễn Đức Đại.

</ol>



# Thẻ định dạng văn bản

## ► Thuộc tính:

Thuộc tính	Mô tả
Type = A	Thiết lập ký tự chữ hoa.
Type = a	Thiết lập ký tự chữ thường
Type = I	Thiết lập chữ số La mã dạng chữ hoa
Type = i	Thiết lập chữ số La mã dạng chữ thường
Type = 1	Thiết lập kiểu số
Start = n	Tạo giá trị bắt đầu của danh sách là n

# Thẻ định dạng văn bản

- **Tạo một dòng chữ chạy trên màn hình trang web:**  
Ngữ pháp:

```
<marquee
width="n"                                hight="m"
scrollDelay="k"
scrollAmount="i"
behavior="alternate"|slide|scroll
direction="right"                        |        "left"
bgcolor="#xyyyzz"
loop=-1                                |        j
</marquee>
```

# Hình ảnh cho web

## 1. Các dạng hình ảnh của web

- ▶ Trong lĩnh vực web, các định dạng ảnh được sử dụng chủ yếu là: GIF, JPG (JPEG) và PNG.
- ▶ Sử dụng ảnh GIF trong trường hợp hiển thị ảnh động...
- ▶ Sử dụng PNG 8 cho hình nhỏ, đơn giản, ít màu sắc hoặc cần trong suốt. Sử dụng PNG 24 cho ảnh có nhu cầu hiển thị mờ đục, chất lượng tốt, rõ nét. Sử dụng JPEG cho ảnh in ấn, ảnh chụp, phong cảnh, chân dung, ảnh có những chi tiết không rõ nét.



# Hình ảnh cho web

## 2. Đưa hình ảnh vào trang web

- ▶ Nên để các hình ảnh vào một thư mục riêng (Ví dụ như thư mục Image).
- ▶ Cú pháp:
- ▶ ``
- ▶ Trong đó FileName.gif có thể thay thế là đường dẫn tới 1 file hình ảnh dạng gif hoặc jpg để ở cùng thư mục với tài liệu HTML.

# Hình ảnh cho web

- ▶ Định dạng hình ảnh

## Chiều cao, chiều rộng của hình ảnh.

Tag:

```

```

Trong đó X là chiều rộng và Y là chiều cao của hình ảnh được tính bằng số điểm (pixel).

# Liên kết và URL

## 1. Hoạt động của link liên kết

- ▶ Các liên kết được biểu thị bởi chữ màu xanh có gạch dưới gọi là các anchor.
- ▶ Để tạo các liên kết: Tag `<a >..</a> (anchor).`
- ▶ Để chỉ địa chỉ liên kết đến ta dùng thuộc tính `HREF` =..... của Tag `<a>`

# Liên kết và URL

## 1. URL là gì?

- ▶ URL-Uniform Resource Locator-Địa chỉ tài nguyên thống nhất.
- ▶ URL là địa chỉ của trang web, khi kích chuột thường nó chuyển đến các tài liệu liên quan.
- ▶ URL tương đối: là URL trỏ đến trang thuộc cùng side với trang hiện hành, chỉ khác nhau tên tập tin.
- ▶ URL tuyệt đối: là URL trỏ đến trang riêng biệt từ bất cứ đâu trên internet.

# Liên kết và URL

## 1. Cấu trúc của URL

- ▶ URL là địa chỉ của trang web, khi kích chuột thường nó chuyển đến các tài liệu liên quan.
- ▶ URL bao gồm hai phần chính: giao thức (protocol) và đích truy cập (target).
- ▶ Giao thức chung trên web là http://, giao thức này nhận các tài liệu html.
- ▶ Ngoài ra còn các giao thức khác như: Gopher://, ftp://, telnet://,...

# Liên kết và URL

## 1. Các dạng liên kết

- ▶ Liên kết đến tập tin cục bộ

- ▶ Là liên kết đơn giản nhất để mở tập tin html trong cùng một thư mục. Có dạng:

`<a href="đường_dẫn/tên_tệp.htm"> đoạn text link </a>`

# Liên kết và URL

## 1. Các dạng liên kết

### ▶ Liên kết đến tập tin cục bộ

- ▶ Là liên kết đơn giản nhất để mở tập tin html trong cùng một thư mục. Có dạng:

`<a href="đường_dẫn/tên_tệp.htm"> đoạn text link </a>`

Ví dụ: có  
`<a href="Bai6_5.html">Chi tiết...</a>`

`<li><a href="Bai6_5.html">  
Nguyễn Đức Đại. </a>`



# Liên kết và URL

## 1. Các dạng liên kết

- ▶ Liên kết đến 1 hình ảnh

- ▶ Đoạn mã lệnh:

- ```
<a href="đường_dẫn/image.gif">text link</a>
```

- ▶ Web browser sẽ tự động gọi hình ảnh về.



# Liên kết và URL

## 1. Các dạng liên kết

- ▶ Liên kết đến các site internet bên ngoài

- ▶ Dạng đầy đủ:

`<a href="URL">text link </a>`

- ▶ Ví dụ có đoạn mã

`<a href = "http://ntt.edu.vn">trường Đại học  
Nguyễn Tất Thành</a>`

# Liên kết và URL

## 1. Các dạng liên kết

- ▶ Liên kết đến phần của trang
  - ▶ Anchor được đặt tên:
    - Anchor được đặt tên là một dấu hiệu tham khảo ẩn cho một phần của tập tin html.
    - Được sử dụng để tạo liên kết đến phần khác của một trang khi trang đó dài
  - ▶ Dạng html cho việc tạo anchor  
`<a name="name">text to link </a>`
  - ▶ Ví dụ:  
`<a name="I">I. Thành phần, độc tính của thuốc lá</a>`

# Liên kết và URL

## 1. Các dạng liên kết

- ▶ Viết một liên kết đến một Anchor được đặt tên:

- ▶ Dạng html:

`<a href="#name">text to hypertext </a>`

Ví dụ (tệp Bai8\_3.html)  
`<a href="#I">Thành phần, độc tính của thuốc lá</a>`  
`<a name="#II">Các nguy cơ gây bệnh của hút thuốc lá</a>`

Liên kết này thường dùng để xây dựng mục lục.

# Liên kết và URL

## 1. Các dạng liên kết

- ▶ Thêm liên kết tới Anchor được đặt tên trong tài liệu khác
  - ▶ Dạng mã:

`<a href="FileName.html#Name">text link</a>`

Ví dụ: có đoạn mã

`<a href="Bai8_3.html#II">Nguy cơ gây bệnh của thuốc lá</a>`

# Liên kết và URL

## 1. Các dạng liên kết

### ▶ Liên kết đến hình ảnh:

- ▶ Ta cũng có thể gắn hình ảnh thay cho các text hyperlink.
- ▶ Để làm điều này, ta đặt tag hình ảnh vào trong phần siêu văn bản của tag Anchor.
- ▶ Ví dụ: trong đó có đoạn mã

```
<a href="Bai8_3.html" target="_blank">  </a>
```

# Liên kết và URL

## 1. Các dạng liên kết

<a Href = "địa chỉ ftp site" >  
    nội dung

</a>

▶ Ví dụ:

<a Href = "ftp://ftp.mycon.com"> FTP server </a>

# Trang trí cho văn bản

## 1. Màu sắc và cấu trúc nền

- ▶ Trong một web browser, ta có thể sử dụng 256 màu của hệ thống để tạo màu cho chữ hoặc nền văn bản.
- ▶ Mỗi một màu được xác định dựa trên các giá trị RED-GREEN-BLUE (RGB) của nó.
- ▶ R,G,B lấy giá trị từ 0 đến 255

# Trang trí cho văn bản

## 1. Màu sắc và cấu trúc nền

- ▶ Thay vì xác định màu theo dạng tương tự "123,211,143" thì mỗi số xác định theo kiểu thập phân sẽ được chuyển sang hệ 16.
- ▶ Chỉ còn số dạng: "xxyyzz", trong đó:
  - ▶ xx là trị của màu Red.
  - ▶ yy là trị của màu Green.
  - ▶ zz là trị của màu Blue.



# Trang trí cho văn bản

## 1. Màu sắc và cấu trúc nền

### ► Màu nền cố định

Ta điều chỉnh tag <body> như sau:

```
<body bgcolor = "#XXYYZZ">
```

trong đó XXYYZZ là dạng biểu diễn thập lục phân của màu được chỉ định.

Ví dụ

```
<body bgcolor = "red">
```

# Trang trí cho văn bản

## 1. Màu sắc và cấu trúc nền

Ta sử dụng dạng:

```
<body bgcolor="#xxyyzz" TEXT="#xxyyzz"  
LINK="#xxyyzz" VLINK="#xxyyzz">
```

- ▶ Trong đó: TEXT là màu chữ, LINK là màu của mục liên kết siêu văn bản, VLINK là màu của mục liên kết siêu văn bản đã xem.
- ▶ **Chú ý:** thứ tự của các mục trong tag <body> không quan trọng.

# Trang trí cho văn bản

## 1. Màu sắc và cấu trúc nền

- Ta có thể sử dụng tệp hình ảnh nhỏ để làm nền cho trang web. (dạng gif, jpg)
- **Chú ý:**
  - Kích cỡ tệp ảnh nên nhỏ.
  - Chọn màu chữ và màu nền tương phản.
  - Nhược điểm: thời gian nạp trang web sẽ chậm hơn.

# Trang trí cho văn bản

## 1. Màu sắc và cấu trúc nền

- Dạng HTML cho nền hình ảnh di chuyển theo khi cuộn trang web:

```
<body background = "file.gif/jpg">
```

- Ví dụ

Dạng sau cho một nền đứng yên:

```
<body background="filename.gif" bgproperties = "fixed">
```

## ■ Thảo luận

---



# Bài 3: Table và Form

## 1. Table (bảng)

Những tag cơ bản của bảng

```
<table>                                <!--Tạo bảng-->
  <tr>                                <!--Đặc tả các dòng của bảng-->
    <td>                                ...</td>
    <td>...</td>                    <!--Đặc tả ô dữ liệu của bảng-->
  </tr>                                </tr>
  <tr>...</tr>
    <td>                                <tr>
    text                                </td>
    <td>...</td>
  </tr>
</table>                                <!--Giới hạn của bảng-->
```

# Table và Form

## 1. Table (bảng)

Ví dụ: tạo một bảng 2 hàng, 2 cột

```
<table border="1">
```

```
<tr>
```

```
<td> Hàng 1, cột 1 </td>
```

```
<td> Hàng 1, cột 2 </td>
```

```
</tr>
```

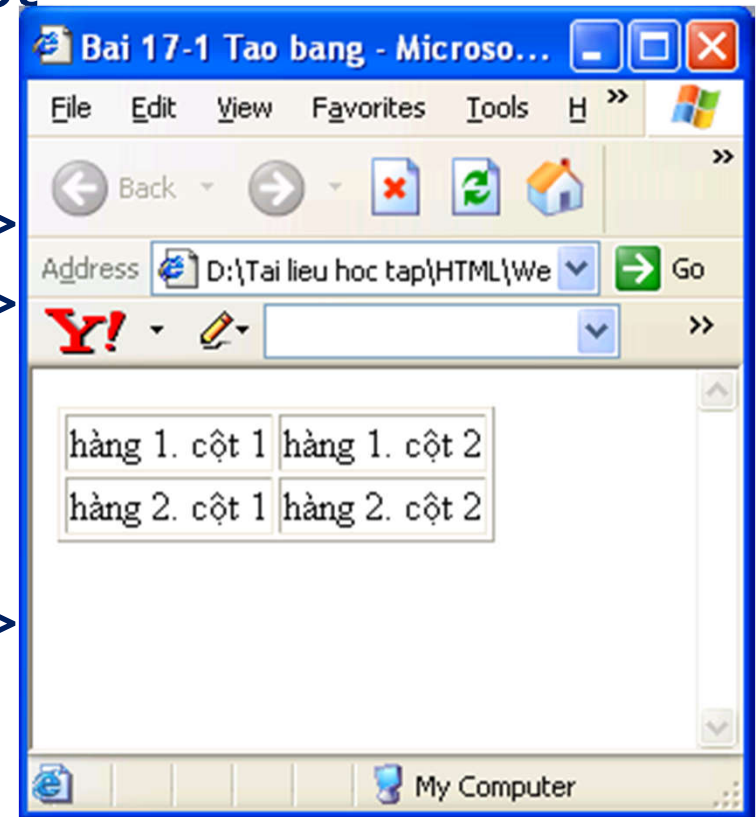
```
<tr>
```

```
<td> Hàng 2, cột 1 </td>
```

```
<td> Hàng 2, cột 2 </td>
```

```
</tr>
```

```
</table>
```



# Table và Form

## 1. Table (bảng)

### ► Thuộc tính:

- ☐ border = n: tạo viền xung quanh bảng.
- ☐ cellpadding = N: cho biết có bao nhiêu khoảng trắng giữa khối bên trong phần tử và vách ngăn.
- ☐ cellspacing = M: Cho biết độ rộng của những đường bên trong bảng để chia các phần tử.



# Table và Form

## 1. Table (bảng)

### ► Thuộc tính:

- `width = n | n%`, `height = m | m%` : định trước kích thước rộng/cao cho bảng.
- `align = "left | right | center"`: Cho phép bảng dóng lề trái hoặc phải.
- `valign = "top | bottom | middle"`: để chỉnh lề trên hoặc giữa hoặc dưới.
- `bgcolor = "#xxyyzz"`: thiết lập màu nền của bảng.

# Table và Form

## 1. Table (bảng)

### ► Thuộc tính:

- `bordercolor = "#xyyzz"`: thiết lập màu viền cho bảng.
- `bordercolorlight = "#xyyzz"` : thiết lập màu nhạt hơn cho viền bảng 3 chiều.
- `bordercolordark = "#xyyzz"` : thiết lập màu đậm hơn cho viền bảng 3 chiều.
- `background = "...image.gif|jpg"`: thiết lập nền cho các ô văn bản là hình ảnh với địa chỉ của nó.

# Table và Form

## 1. Table (bảng)

- `<tr>...</tr>`
  - Đặc tả dòng của bảng, số dòng của bảng bằng số phần tử `<tr>` trong cặp `<table>...</table>`.
  - Một số thuộc tính:
    - ▶ `align = left | center | right`: để chỉnh lề trái/giữa/phải.
    - ▶ `valign = top | middle | bottom`: để chỉnh lề trên/giữa/dưới.

# Table và Form

## 1. Table (bảng)

- bgcolor: đặc tả màu nền của hàng.
- bordercolor: đặc tả màu viền của bảng.
- bordercolorlight: thiết lập màu nhạt hơn cho màu viền 3 chiều.
- bordercolordark: thiết lập màu đậm hơn cho màu viền 3 chiều.

# Table và Form

## 1. Table (bảng)

- `<td>...</td>`

- Đại diện cho ô dữ liệu trong bảng, ô dữ liệu phải xuất hiện trong hàng của bảng.

- ▶ `align = left | center | right`: để chỉnh lề trái/giữa/phải dữ liệu trong ô.

- ▶ `valign = top | middle | bottom`: để chỉnh lề trên/giữa/dưới dữ liệu trong ô.

- ▶ `width = n | n%`: đặc tả độ rộng của ô.

- ▶ `height = n | n%`: đặc tả chiều cao của ô.

# Table và Form

## 1. Table (bảng)

- `<td>...</td>`
  - `colspan = N`: Tạo một ô bằng N ô liền kề theo dòng.
  - `rowspan = M`: Tạo một ô bằng M ô liền nhau theo cột.
  - ngoài ra còn có các thuộc tính:
    - ▶ `bgcolor = #xxyyzz.`
    - ▶ `bordercolor = #xxyyzz.`
    - ▶ `bordercolorlight = #xxyyzz.`
    - ▶ `bordercolordark = #xxyyzz.`
    - ▶ `background = "...image..."`.

# Table và Form

## 1. Table (bảng)

- `<th>... </th>`
  - cũng giống tag `<td>` nhưng thường dùng cho tiêu đề của bảng, dòng text... sẽ được viết chữ đậm và căn giữa ô.
- `<th>` có những thuộc tính sau:
  - ▶ `align = left | center | right`: để chỉnh lề trái/giữa/phải dữ liệu trong ô.

# Table và Form

## 1. Table (bảng)

- `<th>... </th>`
  - `valign = top | middle | bottom`: để chỉnh lề trên/giữa/dưới dữ liệu trong ô.
  - `width = n | n%`: đặc tả độ rộng của ô.
  - `hight = n | n%`: đặc tả chiều cao của ô.
  - `nowrap`: thiết lập cho những ô không muốn có dòng nào bị gãy để dữ liệu vừa khít với ô tiêu đề.
  - `colspan = n`: đặc tả số cột của bảng mà ô này sẽ trộn lại thành 1. (mặc định = 1)



# Table và Form

## 1. Table (bảng)

- `<th>... </th>`
  - rowspan: đặc tả số hàng của bảng mà ô này sẽ trộn lại thành một. (mặc định=1)
  - bgcolor = #xxyyzz.
  - bordercolor = #xxyyzz.
  - bordercolorlight = #xxyyzz.
  - bordercolordark = #xxyyzz.
  - background = "...image..."

# Table và Form

## 2. FORM

Form cho phép bạn nhận thông tin hay phản hồi từ người dùng.

### ► Tạo Form:

`<form Method = <phương thức> Action = "URL">`

`<input>` yêu cầu thông tin bằng một trong nhiều

cách khác nhau

`</form>`

`<Phương thức>`: nhận giá trị `Post` hoặc `Get`

# Table và Form

## 1. FORM

### ▶ Trường văn bản và các thuộc tính.

```
<TextArea Name = "name" Rows = number  
          Cols = number Wrap = <value>>  
          Text.....  
< /TextArea>
```

- ▶ Cho phép người dùng nhập nhiều dòng văn bản vào Form với số dòng và số cột cần hiển thị.
- ▶ Text: Hướng dẫn người sử dụng nhập dữ liệu.
- ▶ Value: OFF (giá trị mặc định) nếu không dùng Wrap.

# Table và Form

## 2. FORM

### ► Textbox

<Input Type = "Text" Name = "Text\_name"      Size =number  
MaxLength= number>

Cho phép người dùng nhập một đoạn văn bản có chiều dài Size và chiều dài tối đa cho đoạn văn bản là MaxLength (Size < MaxLength)

# Table và Form

## 2. FORM

### ► Password

<Input Type ="Password" Name = "name"  
Size =number MaxLength= number>

- Khi nhập dữ liệu vào thì các ký tự được dấu đi và thay vào đó là những ký tự "\*" hay "x" tùy thuộc vào trình duyệt.

# Table và Form

## 2. FORM

### ▶ Check Box

<Input Type = "CheckBox" Name = "name" Value = "giá trị"> String

- ▶ Tùy chọn này được dùng khi có nhiều giá trị cho một tùy chọn.
- ▶ Muốn xác định trạng thái mặc định của checkBox là đánh dấu hoặc không đánh dấu thì thêm một trong hai giá trị: Checked hoặc UnChecked
- ▶ String: Là chuỗi thông báo lựa chọn.

# Table và Form

## 2. FORM

### ▶ Radio Button

<Input Type = "Radio" Name = "name" Value = "giá trị"> String

- ▶ Cho phép người dùng lựa chọn trong các tùy chọn được định trước.
- ▶ Thuộc tính Name phải giống nhau và thuộc tính Value phải khác nhau

# Table và Form

## 2. FORM

### ▶ Trường Hidden.

<Input Type = Hidden Name = "name" Value = "giá trị">

- ▶ Được thiết kế để truyền (ngầm) giá trị đến Web Server và Script. Giá trị truyền thường là một từ khoá, giá trị kiểm tra hay một chuỗi bất kỳ



# Table và Form

## 2. FORM

### ▶ **Submit Button**

<Input Type =Submit Value = "String">

- ▶ Dùng để chuyển dữ liệu trên Form mà người sử dụng đã nhập sang một trang mới.
- ▶ String: Là dòng chữ ghi trên nút, nếu không có Value thì mặc định là Submit ghi trên nút

# Table và Form

## 2. FORM

### ▶ Reset Button

<Input Type = Reset Value = "String">

- ▶ Dùng để xóa dữ liệu trên Form mà người sử dụng đã nhập, khởi động lại cho các phần tử trên Form.
- ▶ String: Là dòng chữ ghi trên nút, nếu không có Value thì mặc định là Reset ghi trên nút

# Table và Form

## 2. FORM

### ▶ **ComboBox và ListBox.**

< Select Name = "name" Size = <giá trị> Multiple >

    <Option Selected Value = "gia trị 1"> String

    <Option Value = "gia trị 2"> String

    <Option Value = "gia trị 3"> String

.....

</Select>

- ▶ <Option>: Định nghĩa một phần tử trong danh sách.
- ▶ Multiple: Cho phép người dùng chọn cùng một lúc nhiều giá trị.

## ■ Thảo luận

---

